

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-3-2020

V/v: “Ly hôn giữa bà M
và ông Đ”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thành Sang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoàng Hải**

2. Ông **Nguyễn Văn Thơm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài Thương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Phượng** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, TP.Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, TP.Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Do quen biết, tìm hiểu, yêu thương và được sự đồng ý của cha mẹ gia đình hai bên nên vào năm 1984 bà và ông Nguyễn Văn Đ đã cưới nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ vào năm 1998. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có

tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, ông Đ có người phụ nữ khác, bà đã nhiều lần khuyên can mà ông Đ không sửa đổi. Điều này dẫn đến đời sống của vợ chồng bị khủng hoảng trầm trọng. Do đó, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, hai bên đã cho nhau nhiều cơ hội nhưng không thể hàn gắn được. Cho nên, bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thanh Giàu (nam), sinh ngày 27/7/1986; Nguyễn Ngọc Vi (nữ), sinh ngày 29/12/2000. Hai con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của bà Lê Thị M về việc kết hôn, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung, nguyên nhân gây mâu thuẫn, thời gian ly thân. Nay bà M yêu cầu ly hôn với ông, ông có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với bà Lê Thị M với điều kiện là bà M phải chia giao tài sản chung cho ông đã thỏa thuận như sau: Diện tích đất và nhà tọa lạc khu dân cư vượt lũ ở xã Đông Hiệp, số tiền 100.000.000 đồng. Hiện nay bà M đã chuyển tên quyền sử dụng đất, nhà và giao cho ông xong, chỉ còn tiền chưa giao. Do vậy, ông chưa đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Hai con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông và bà Lê Thị M đã thỏa thuận là bà M chia giao cho ông diện tích đất và nhà tọa lạc khu dân cư vượt lũ ở xã Đông Hiệp, số tiền 100.000.000 đồng. Cho nên, ông không yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án này.

- Về nghĩa vụ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn Đ trình bày là cưới nhau vào năm 1984, đến năm 1998 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông

Hiệp, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, nhưng theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đông Hiệp và Phòng Tư pháp huyện Cờ Đỏ, vào năm 1998 trong sổ bộ đăng ký kết hôn, không tìm thấy tên bà M và ông Đ. Vì vậy, xác định bà M và ông Đ không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, theo quy định của Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/8/2000 của Quốc hội thì trường hợp của bà M và ông Đ vẫn được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay bà M yêu cầu ly hôn với ông Đ vì hôn nhân giữa ông bà có quá nhiều mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn. Ông Đ thừa nhận có mâu thuẫn, bất hòa như bà M trình bày và cũng thống nhất ly hôn, nhưng không đồng ý ký tên thuận tình ly hôn vì bà M chưa giao đủ tài sản cho ông theo thỏa thuận chia tài sản chung giữa ông và bà M. Xét hôn nhân giữa bà M và ông Đ đã không đem lại hạnh phúc cho cả hai, trải qua thời gian dài ly thân không thể hàn gắn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa bà M và ông Đ.

- Về con chung: Đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.
- Về nghĩa vụ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị M khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ có địa chỉ tại ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ với yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn Đ đều thống nhất là ông bà cưới nhau vào năm 1984, đến năm 1998 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn, nhưng do bị thất lạc nên không cung cấp được. Tuy nhiên, theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đông Hiệp và Phòng Tư pháp huyện Cờ Đỏ, vào năm 1998 trong sổ bộ đăng ký kết hôn, không tìm thấy tên bà M và ông Đ. Cho nên, không đủ căn cứ xác định bà M và ông Đ có đăng ký kết hôn. Tuy vậy, căn cứ theo quy định của Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/8/2000 của Quốc hội thì trường hợp của bà M và ông Đ vẫn được pháp luật công nhận là vợ chồng (hôn nhân thực tế). Nay bà M yêu cầu ly hôn với ông Đ thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và

gia đình. Hội đồng xét xử nhận thấy, bà M và ông Đ đều thống nhất, hôn nhân giữa ông bà có quá nhiều mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn và cả hai đều thống nhất ly hôn, nhưng ông Đ không đồng ý ký tên thuận tình ly hôn vì bà M chưa giao đủ tài sản cho ông theo thỏa thuận chia tài sản chung của ông và bà M. Xét đây không phải là lý do phù hợp Đ Hội đồng xét xử hòa giải đoàn tụ hay không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M. Nếu bà M chưa giao đủ tài sản cho ông Đ theo như thỏa thuận thì ông Đ có quyền yêu cầu chia tài sản chung theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.2] Về con chung: Hai con chung giữa bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn Đ đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn Đ xác định có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cho nên, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.4] Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị M phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M đối với ông Nguyễn Văn Đ.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn Đ.

1.2. Về con chung: Hai con chung tên Nguyễn Thanh Giàu (nam), sinh ngày 27/7/1986; Nguyễn Ngọc Vi (nữ), sinh ngày 29/12/2000 đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là tự thỏa thuận, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

1.4. Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà M đã nộp theo biên lai số 012924 ngày 26 tháng 12 năm 2019 thành án phí.

3. Tuyên án công khai. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Đ,
- huyện C, TP.Cần Thơ;
- Phòng Tư pháp huyện Cờ Đỏ;
- TAND TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thành Sang